

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 16-8-2024

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phần

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh

Bà Nguyễn Thị Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 132, ấp V, xã X, huyện L, tỉnh Đ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1981

Địa chỉ: C4, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Đ1.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2012 tại UBND xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Sau

khi kết hôn, cả hai thuê nhà sống tại Đồng Nai. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Q nhậu nhẹt, cờ bạc không quan tâm chăm sóc gia đình. Từ năm 2013 anh Q bỏ về Sa Đéc sống và vợ chồng sống ly thân cho đến nay không còn liên lạc với nhau.

Nay chị T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Q vì tình cảm không còn, vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành T1, sinh ngày 13/12/2011, hiện con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con, chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn Q: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/3/2024, con của chị T và anh Q là cháu Nguyễn Thành T1, sinh ngày 13/12/2011 trình bày: Nếu cha và mẹ ly hôn, không sống chung với nhau thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là chị T.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến:**

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự (nguyên đơn) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là đã vi phạm khoản 16, Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Cho chị T và anh Q ly hôn.

Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 13/12/2011 sau ly hôn. Do chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án; bị đơn anh Nguyễn Văn Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q chung sống vợ chồng từ năm 2012, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/02/2012 tại UBND xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị T và anh Q đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường xuyên uống rượu, tham gia cờ bạc không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ năm 2013 anh chị đã sống ly thân không còn liên lạc với nhau. Quá trình làm việc tại Tòa án, chị T vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn anh Q. Về phía anh Q quá trình giải quyết vụ án anh Q mặc dù biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị T, cho thấy anh Q đã từ bỏ quyền lợi của mình, anh Q không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị T.

Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được...”

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Q đã không thể hàn gắn được, anh và chị đã sống ly thân trong một thời gian dài, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn anh Q là có căn cứ và phù hợp với quy pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T xác định quá trình chung sống với anh Q có con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 13/12/2011, hiện con đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con. Anh Q không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của chị T.

Xét thấy, từ khi được sinh ra cho đến nay cháu T sống chung với chị T và anh Q, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Toàn vẫn tiếp tục sống chung với chị T, được chị T và gia đình chị T thương yêu, quan tâm, chăm sóc, hiện cháu có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Phía anh Q thiếu sự quan tâm chăm sóc đối với con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu T cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu T, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T trong sinh hoạt cũng như cuộc sống. Anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm

sóc con, không ai được cản trở là phù hợp với quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Thị Thanh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thanh T. Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Thanh T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Chị Phan Thị Thanh T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 13/12/2011, hiện con đang sống chung với chị T.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Thanh T không yêu cầu anh Nguyễn Văn Q cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn trong vụ án này nên không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Thanh T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (về ly hôn). Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp ngày 27/5/2024 theo biên lai thu số 0004215 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP Sa Đéc;
- Chi cục THADS TP Sa Đéc;
- UBND xã Xuân Hiệp, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phần

